

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Số: /UBND-KT

V/v thỏa thuận các nội dung về hướng tuyến, đường gom, hầm chui dân sinh, cầu vượt, nút giao thuộc dự án Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021 - 2025, đoạn qua địa bàn tỉnh.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Định, ngày tháng 3 năm 2022

Kính gửi: Bộ Giao thông vận tải.

Thực hiện 1751/BGTVT-DAĐT1 ngày 24/02/2022 của Bộ Giao thông vận tải về việc triển khai Nghị quyết số 18/NQ-CP ngày 11/02/2022 của Chính phủ về Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025, theo đó UBND tỉnh Bình Định đã chỉ đạo các sở, ngành, địa phương có liên quan làm việc thống nhất các nội dung về hướng tuyến, đường gom, hầm chui dân sinh, cầu vượt, nút giao thuộc dự án Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021 - 2025, đoạn qua địa bàn tỉnh; UBND tỉnh Bình Định tổng hợp báo cáo như sau:

1. Về hướng tuyến: Cơ bản thống nhất theo hướng tuyến đã được Chủ đầu tư báo cáo tại Trụ sở UBND tỉnh Bình Định (*phù hợp với phương án tuyến đã được Quốc hội thông qua tại Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022*). Tuy nhiên, qua khảo sát thực tế hiện trường và làm việc với các địa phương có liên quan cần điều chỉnh cục bộ một số đoạn như sau:

- Đoạn qua hồ Thạch Khê giáp ranh huyện Hoài Ân, Phù Mỹ; đoạn vượt sông Kôn thuộc xã Nhơn Phúc, thị xã An Nhơn và đoạn qua khu vực núi Sơn Triều thuộc thị xã An Nhơn và huyện Tuy Phước (*sau khi Thứ trưởng Bộ Giao thông vận tải Lê Đình Thọ đi thị sát tuyến*)

- Sau khi Chủ đầu tư làm việc thống nhất với các địa phương của tỉnh: điều chỉnh tim tuyến đường cao tốc đoạn phía Nam sông Kôn (*thuộc địa bàn xã Nhơn Phúc và Nhơn Lộc, thị xã An Nhơn*) dịch về phía Tây so với phương án tim tuyến được duyệt ở bước Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi khoảng 600m để tránh khu quy hoạch làng nghề rượu Bầu Đá Nhơn Lộc và di tích lịch sử khảo cổ cấp quốc gia Thành Cha.

2. Về nút giao liên thông: Cơ bản thống nhất vị trí bố trí **08** nút giao liên thông, thuộc địa bàn thị xã Hoài Nhơn, Hoài Ân, Phù Mỹ, Phù Cát, Tây Sơn, An Nhơn, Tuy Phước và thành phố Quy Nhơn, cụ thể như sau:

- **Nút giao liên thông số 01:** Tại khoảng Km79+028, Dự án thành phần Quảng Ngãi - Hoài Nhơn, giao liên thông với Tuyến đường kết nối với đường ven biển (ĐT.639) thuộc địa bàn phường Hoài Thanh Tây, thị xã Hoài Nhơn. Thỏa thuận bổ sung hoàn trả Tuyến đường kết nối trên địa bàn thị xã Hoài Nhơn đoạn qua nút giao để kết nối vào đường ĐT.638 (*quy mô nền đường rộng Bn=22,0m*).

- **Nút giao liên thông số 02:** Tại khoảng Km1+600, Dự án thành phần Hoài Nhơn - Quy Nhơn, giao liên thông với đường tỉnh ĐT.629 thuộc địa bàn xã Ân Mỹ, huyện Hoài Ân. Thỏa thuận bổ sung nâng cấp mở rộng tuyến đường ĐT.629, đoạn từ nút giao đến đường QL.1 khoảng 3km, đạt quy mô đường cấp III đồng bằng ($B_n/B_m=12m/11m$) nhằm kết nối với tuyến Quốc lộ 1.

- **Nút giao liên thông số 03:** Tại khoảng Km26+400, giao liên thông với ĐT.638 thuộc địa bàn xã Mỹ Trinh, huyện Phù Mỹ. Thỏa thuận bổ sung xây dựng kéo dài đoạn tuyến từ nút giao đến Tuyến đường kết nối từ phía Tây tỉnh (ĐT.638) đến đường ven biển (ĐT.639) trên địa bàn huyện Phù Mỹ đang triển khai đầu tư xây dựng với quy mô đường cấp III đồng bằng ($B_n/B_m=12m/11m$) nhằm kết nối với tuyến Quốc lộ 1.

- **Nút giao liên thông số 04:** Tại khoảng Km45+500, giao liên thông với ĐT.634 thuộc xã Cát Hiệp, huyện Phù Cát. Thỏa thuận bổ sung nâng cấp mở rộng tuyến đường ĐT.634, đoạn từ Quốc lộ 1 đến nút giao liên thông khoảng 5km, đạt quy mô đường cấp III đồng bằng ($B_n/B_m=12/11m$) để phát huy hiệu quả khai thác tuyến cao tốc.

- **Nút giao liên thông số 05:** Tại khoảng Km56+00, giao liên thông với QL.19B trên địa bàn xã Tây An, huyện Tây Sơn, cập nhật điều chỉnh vị trí nút giao liên thông phù hợp đoạn chỉnh tuyến QL.19B đang xây dựng, xây dựng hoàn trả lại đoạn tuyến qua nút giao và tổ chức giao thông tại nút giao phù hợp; đồng thời nâng cấp mở rộng tuyến đường QL19B khoảng 2km đạt quy mô đường cấp III đồng bằng ($B_n/B_m=12/11m$) để kết nối với tuyến Quốc lộ 1.

- **Nút giao liên thông số 06:** Tại khoảng Km0+400, Dự án thành phần Quy Nhơn - Chí Thạnh giao liên thông với Quốc lộ 19 trên địa bàn phường Nhơn Hòa, thị xã An Nhơn.

- **Nút giao liên thông số 07:** Tại khoảng Km10+600, giao liên thông với QL.19C trên địa bàn xã Phước Thành, huyện Tuy Phước. Thỏa thuận bổ sung nâng cấp mở rộng tuyến đường QL.19C, đoạn từ QL.1 đến nút giao liên thông khoảng 5km, đạt quy mô đường cấp III đồng bằng ($B_n/B_m=12/11m$) để phát huy hiệu quả khai thác tuyến cao tốc.

- **Nút giao liên thông số 08:** Tại khoảng Km16+800, giao liên thông với QL.1 trên địa bàn phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn.

3. Về nút giao trực thông, hầm chui, đường hoàn trả và đường gom: Cơ bản thống nhất theo báo cáo của Chủ đầu tư. Trong đó, một số địa phương của tỉnh kiến nghị bổ sung thêm một số hầm chui, đường gom để phát huy hiệu quả đầu tư, hạn chế thấp nhất ảnh hưởng đến người dân, phục vụ sản xuất nông nghiệp, phát triển kinh tế - xã hội và đã được các thành phần liên quan thống nhất nội dung điều chỉnh, bổ sung. *Chi tiết có Phụ lục 1, 2, 3 kèm theo.*

4. Kiến nghị Bộ Giao thông vận tải cho bổ sung hồ sơ thiết kế và đầu tư xây dựng hoàn chỉnh hệ thống điện chiếu sáng trên toàn tuyến cao tốc đoạn qua địa bàn tỉnh. Ngoài những đoạn tuyến có hệ thống điện chiếu sáng được Bộ Giao thông vận tải đầu tư theo dự án, phần còn lại UBND tỉnh Bình Định sẽ bố trí kinh phí từ ngân sách tỉnh để đầu tư xây dựng hệ thống điện chiếu sáng đảm bảo đồng bộ toàn tuyến cao tốc qua địa bàn tỉnh.

UBND tỉnh Bình Định kính đề nghị Bộ Giao thông vận tải quan tâm xem xét./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT UBND tỉnh;
- PCT Nguyễn Tự Công Hoàng;
- Sở GTVT;
- Ban QLDA 85, 2;
- UBND các huyện PM, PC, TS, TP, HA;
- UBND thị xã AN, HN;
- UBND TP Quy Nhơn;
- CVP, PVP TD;
- Lưu: VT, K19.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tự Công Hoàng

PHỤ LỤC 2
VỀ GIAO CẮT TRỰC THÔNG, HÀM CHUI, ĐƯỜNG GOM DÂN SINH VÀ ĐƯỜNG HOÀN TRẢ
DỰ ÁN THÀNH PHẦN HOÀI NHƠN - QUY NHƠN

(Kèm theo Văn bản số /UBND-KT ngày /3/2022 của UBND tỉnh)

I. VỊ TRÍ GIAO CẮT TRỰC THÔNG

TT	Lý trình	Địa điểm	Đề xuất thiết kế	Ý kiến thỏa thuận	Ghi chú
I	HOÀI ÂN				
1	Km1+272	Giao ĐT.629 - xã Ân Mỹ	Cầu trên đường cao tốc vượt	Thông nhất	
2	Km6+545	Giao ĐT.630 -TT. Tăng Bạt Hồ	Cầu vượt trên đường cao tốc	Thông nhất điều chỉnh vị trí về Km7+100 và ưu tiên bố trí chéo	
II	PHÙ MỸ				
1	Km22+365 giao ĐT631	Giao ĐT.631 - xã Mỹ Trinh	Cầu vượt trên đường cao tốc	Thông nhất	
2	Km36+150 giao ĐT.638	Giao ĐT.638 - xã Mỹ Hiệp	Cầu vượt trên đường cao tốc	Thông nhất	
III	PHÙ CÁT				
1	Cầu vượt ngang Km43+640		Cầu vượt trên đường cao tốc	Thông nhất	
IV	TÂY SƠN				
1	Km55+700 giao QL19B	xã Tây An	Cầu trên đường cao tốc vượt QL19B	Thông nhất	
V	AN NHƠN				
1	Km60+730 (mô phía Nam cầu Sông Kôn)	Xã Nhơn Phúc	Cầu trên đường cao tốc vượt	Thống nhất cầu Sông Kôn vượt đường kè bảo đảm bề rộng đường tối thiểu 8,0m và tĩnh không tối thiểu 2,5m	Phù hợp quy hoạch phân khu Nhơn Phúc

2	Km61+220 giao ĐT636	Xã Nhơn Phúc	Cầu trên đường cao tốc vượt ĐT.636	Thống nhất cầu trên đường cao tốc vượt; chiều dài nhịp tối thiểu 33m	
3	Km64+750 giao đường Trục chính Bắc Nam số 1	Xã Nhơn Lộc	Cầu trên đường cao tốc vượt đường Trục chính Bắc Nam số 1	Thống nhất cầu trên đường cao tốc vượt; chiều dài nhịp tối thiểu 33m	Phù hợp với đồ án điều chỉnh quy hoạch chung đô thị An Nhơn, tỉnh
4	Km66+880 giao đường Trục chính Đông Tây	Xã Nhơn Lộc	Cầu trên đường cao tốc vượt đường Trục chính Đông Tây	Thống nhất cầu trên đường cao tốc vượt; chiều dài nhịp tối thiểu 33m	

PHỤ LỤC 1
VỀ GIAO CẮT TRỰC THÔNG, HÀM CHUI, ĐƯỜNG GOM DÂN SINH
VÀ ĐƯỜNG HOÀN TRẢ DỰ ÁN THÀNH PHẦN
QUẢNG NGÃI - HOÀI NHƠN

(Kèm theo Văn bản số /UBND-KT ngày /3/2022 của UBND tỉnh)

1. VỊ TRÍ GIAO CẮT TRỰC THÔNG

TT	Lý trình	Đường giao	Địa phận	Phương án thỏa thuận	Ý kiến
1	Km68+120	ĐT.638	Xã Hoài Châu Bắc	Cầu vượt lên trên cao tốc, B cầu =12m	Thống nhất đầu tư
2	Km72+770	Đường Nguyễn Chí Thanh	Xã Hoài Châu	Đường cao tốc vượt đảm bảo tĩnh không với chiều cao 4,75m và rộng 26,5m	
3	Km74+600	Đường Lê Hồng Phong	Phường Hoài Hảo	Cầu vượt lên trên cao tốc, B cầu =12m	
4	Km76+700	Đường Bùi Đức Sơn	Phường Hoài Hảo		
5	Km81+720	ĐT.638	Phường Hoài Tân	Bỏ vị trí giao cắt này vì đã điều chỉnh tuyến đường hoàn trả ĐT.638	Thống nhất không đầu tư
6	Km85+050	Đường quy hoạch	Phường Hoài Tân	Cầu vượt lên trên cao tốc, B cầu =12m	Địa phương kiến nghị đầu tư trong giai đoạn này
7	Km86+600	Đường quy hoạch	Phường Bồng Sơn		

2. CÔNG CHUI

TT	Lý trình	B _{mặt hiện trạng} (m)	Loại mặt đường	Khẩu độ cống thiết kế (BxH)m	Địa phương kiến nghị (BxH)m	Ghi chú
1	Km61+700	3,0	Đất	5,0 x 3,5	6,5 x 4,5	Mở rộng khẩu độ
2	Km62+533	3,0	BTXM	5,0 x 3,5	5,0 x 3,5	
3	Km62+836	3,5	BTXM	5,5 x 4,5	6,5 x 4,5	Mở rộng khẩu độ

4	Km64+173	3,0	Đất	5,0 x 3,5	5,0 x 3,5	
5	Km64+775	3,0	BTXM	5,0 x 3,5	5,0 x 3,5	
6	Km65+088	3,5	BTXM	2x 6,0 x 4,5	2x 6,0 x 4,5	
7	Km65+586	2,0	BTXM	5,0 x 3,5	5,0 x 3,5	
8	Km66+500	3,0	BTXM	5,5 x 4,5	6,5 x 4,5	Mở rộng khẩu độ
9	Km67+210	3,0	Đất	Không bố trí	4,0 x 3,0	Bổ sung mới
10	Km67+558	3,0	Đất	5,0 x 3,5	5,0 x 3,5	
11	Km68+316	2,0	Đất	Không bố trí	Không bố trí	
12	Km68+797	3,0	Đất	5,0 x 3,5	5,0 x 3,5	
13	Km69+000	3,0	Đất	Không bố trí	4,0 x 3,0	Bổ sung mới
14	Km69+650	3,0	Đất	Không bố trí	Không bố trí	Bổ sung đường gom
15	Km69+920	3,0	BTXM	5,5 x 4,5	6,5 x 4,5	Mở rộng khẩu độ
16	Km70+283	2,0	Đất	Không bố trí	Không bố trí	
17	Km70+503			2x 4,5 x 4,5	2x 4,5 x 4,5	
18	Km70+765	3,0	BTXM	Không bố trí	5,0 x 3,5	Bổ sung mới
19	Km71+063	3,0	BTXM	Không bố trí	Không bố trí	Bổ sung đường gom
20	Km71+302	3,0	BTXM	5,5 x 4,5	6,5x 4,5	Mở rộng khẩu độ
21	Km71+732	3,0	BTXM	5,5 x 4,5	6,5x 4,5	Mở rộng khẩu độ
22	Km72+073	3,0	BTXM	5,5 x 3,5	5,0 x 3,5	
23	Km72+430	3,0	Đất	Không bố trí	4,0 x 3,0	Bổ sung mới
24	Km73+568	3,0	BTXM	5,5 x 4,5	6,5x 4,5	Mở rộng khẩu độ
25	Km74+075	3,0	BTXM	5,5 x 4,5	6,5x 4,5	Mở rộng khẩu độ
26	Km75+100	2,0	Đất	5,0 x 3,5	5,0 x 3,5	

27	Km75+977	3,0	BTXM	5,5 x 4,5	6,5x 4,5	Mở rộng khẩu độ
28	Km76+336	3,0	Đất	Không bố trí	Không bố trí	Bổ sung đường gom
29	Km77+649	2,5	Đất	5,0 x 3,5	6,5 x 4,5	Mở rộng khẩu độ
30	Km78+746	3,0	BTXM	2 x 6,0 x 4,5	2 x 6,0 x 4,5	
31	Km79+286			2 x 6,0 x 4,5	22 x 4,5	
32	Km79+947	7,0	BTN	2 x 6,0 x 4,5	2 x 6,0 x 4,5	
33	KM80+900	2,0	Đất	Không bố trí	Không bố trí	
34	Km81+700	3,0	Đất	Không bố trí	Không bố trí	
35	Km82+857	3,0	BTXM	5,5 x 4,5	6,5x 4,5	Mở rộng khẩu độ
36	Km83+446	3,0	BTXM	2 x 6,0 x 4,5	2 x 6,0 x 4,5	
37	Km84+055	3,0	BTXM	5,5 x 4,5	6,5x 4,5	Mở rộng khẩu độ
38	Km84+450	3,0	BTXM	5,5 x 4,5	6,5x 4,5	Mở rộng khẩu độ
39	Km85+713	3,5	BTXM	2 x 4,5 x 4,5	2 x 4,5 x 4,5	
40	Km87+247	3,0	Đất	5,0 x 3,5	5,0 x 3,5	
41	Km87+750	3,0	BTXM	5,5 x 4,5	6,5x 4,5	Mở rộng khẩu độ

3. ĐƯỜNG GOM

1. Quy mô đường gom dân sinh đảm bảo tối thiểu theo quy mô đường cấp VI đồng bằng $B_{\text{nền}} = 6,5\text{m}$; $B_{\text{mặt}} = 5,5\text{m}$ (có gia cố lề).

2. Phạm vi bố trí đường gom dự kiến như sau:

- Khoảng Km62+437 - Km62+533; $L = 96\text{m}$, bên trái tuyến.

- Khoảng Km64+020 - Km64+173; $L = 153\text{m}$: Bố trí đường gom bên phải tuyến (bên trái tuyến đã có đường dân sinh hiện trạng - đường số 6 đóng vai trò như đường gom chạy dọc tuyến).

- Khoảng Km65+585 - Km65+740; $L = 155\text{m}$: Bố trí đường gom bên phải tuyến (bên trái tuyến đã có đường dân sinh hiện trạng - đường số 6 đóng vai trò như đường gom chạy dọc tuyến).

- Khoảng Km65+950 - Km66+500; $L = 526\text{m}$, bên phải tuyến.

- Khoảng Km66+300 - Km66+500; L = 200m, bên trái tuyến.
- Bở sung đường gom dọc bờ kè suối Quán Dưa tại Km66+743 và bở sung đường gom kết nối bờ kè suối với đường đất nội đồng tại Km66+700 (bên trái tuyến).
- Khoảng Km66+760 - Km67+557; L = 797m, bên trái tuyến.
- Khoảng Km68+100 - Km68+150; L = 50m: Dự kiến bố trí đường gom hoàn trả kết nối tuyến đường nội đồng lên ĐT.638 (bên phải tuyến).
- Khoảng Km68+300 - Km68+797; L = 497m, bên trái tuyến.
- Khoảng Km69+250 - Km69+920; L = 666m, bên phải tuyến.
- Khoảng Km70+503 - Km70+769; L = 266m: Dự kiến bố trí đường gom ở cả hai bên tuyến.
- Khoảng Km71+000 - Km71+300; L = 295m, bên phải tuyến.
- Khoảng Km72+770 - Km73+568; L = 798m, bên trái tuyến.
- Khoảng Km74+000 - Km74+079; L = 79m, bên trái tuyến.
- Khoảng Km74+500 - Km74+600; L = 399m, bên trái tuyến.
- Khoảng Km74+600 - Km74+650; L = 166m, bên phải tuyến.
- Khoảng Km74+720 - Km75+089; L = 369m, bên trái tuyến.
- Khoảng Km75+350 - Km75+970; L = 616m, bên phải tuyến.
- Khoảng Km76+700 - Km77+100; L = 371m: Dự kiến bố trí đường gom hoàn trả cho đường Lưu Trọng Lư bên trái tuyến.
- Khoảng Km78+550 - Km78+750; L = 187m, bên trái tuyến.
- Khoảng Km79+286 - Km79+386; L = 100m: dự kiến bố trí đường gom 2 bên tuyến kết nối hầm chui với đường Trần Quang Khanh.
- Khoảng Km79+945 - Km80+410; L = 465m, bên trái tuyến.
- Khoảng Km82+350 - Km85+700; L = 3353m, bên trái tuyến.
- Vị trí cầu vượt trực thông Km68+120 trên ĐT638: bố trí đường vượt nối từ trạm bơm tăng áp vào đường ĐT.638.
- Bở sung đường gom bên trái tuyến khoảng từ Km69+000 - Km69+650; L= 650m.
- Bở sung đường gom hai bên tuyến khoảng từ Km69+650 - Km69+920; L=270m.
- Bở sung đường gom hai bên tuyến khoảng từ Km76+336 - Km76+530; L=194m.

II. HÀM CHUI DÂN SINH

TT	Lý trình	Đề xuất thiết kế, khẩu độ BxH (m)	Ý kiến thỏa thuận, khẩu độ BxH (m)	Ghi chú
I	HOÀI NHƠN			
1	Km0+745	(BxH)=(5,0 x 3,5)m	Thống nhất điều chỉnh thành (BxH)=(6,5 x 4,5)m	Kết nối đường hiện trạng
2	Km4+711	(BxH)=(5,0 x 3,5)m	Thống nhất điều chỉnh thành (BxH)=(6,5 x 4,5)m	Kết nối đường hiện trạng
II	HOÀI ÂN			
1	Km3+450	Không có	Thống nhất bổ sung (BxH) = (6,5 x 4,5)m	Kết nối đường hiện trạng
2	Km04+115	(BxH) = (6,5 x 4,5)m	Thống nhất điều chỉnh thành (BxH) = 2x(6,5 x 4,5)m	Cắt qua đường quy hoạch cấp III
3	Km08+970	(BxH) = (6,5 x 4,5)m	Thống nhất	
4	Km10+870	(BxH) = (6,5 x 4,5)m	Thống nhất điều chỉnh thành (BxH) = 2x(6,5 x 4,5)m	Cắt qua đường quy hoạch cấp III
5	Km12+100	(BxH) = (6,5 x 4,5)m	Thống nhất điều chỉnh thành (BxH) = 2x(6,5 x 4,5)m	Cắt qua đường quy hoạch cấp III
6	Km13+150	(BxH) = (5,0 x 3,5)m	Thống nhất	
7	Km14+040	(BxH) = (5,0 x 3,5)m	Thống nhất điều chỉnh thành (BxH) = (6,5 x 4,5)m	Kết nối đường hiện trạng
8	Km14+500	(BxH) = (5,0 x 3,5)m	Thống nhất	
9	Km14+880	(BxH) = (5,0 x 3,5)m	Thống nhất	
10	Km15+350	(BxH) = (5,0 x 3,5)m	Thống nhất điều chỉnh thành (BxH) = (6,5 x 4,5)m	Kết nối đường hiện trạng
11	Km16+680	(BxH) = (5,0 x 3,5)m	Thống nhất	
12	Km16+936	(BxH) = (5,0 x 3,5)m	Thống nhất	

III	PHÙ MỸ			
1	Km22+960	Không có	Thống nhất bổ sung (BxH) = (4,0 x 3,0)m	Kết nối đường hiện trạng
2	Km25+035	(BxH) = (6,5 x 4,5)m	Thống nhất	
3	Km25+350	Không có	Thống nhất bổ sung (BxH) = (4,0 x 3,0)m	Kết nối đường hiện trạng
4	Km26+915	(BxH) = (6,5 x 4,5)m	Thống nhất	
5	Km27+230	Không có	Thống nhất bổ sung (BxH) = (4,0 x 3,0)m	Kết nối đường hiện trạng
6	Km27+815	(BxH) = (5,0 x 3,5)m	Kiến nghị điều chỉnh thành (BxH)=(5,5 x 3,5)m	
7	Km28+170	(BxH) = (5,0 x 3,5)m	Thống nhất điều chỉnh lên (BxH) = (6,5 x 4,5)m	Kết nối đường hiện trạng
8	Km28+960	(BxH) = (5,0 x 3,5)m	Kiến nghị điều chỉnh thành (BxH)=(5,5 x 3,5)m	
9	Km29+600	(BxH) = (6,5 x 4,5)m	Thống nhất	
10	Km30+767	(BxH) = (5,0 x 3,5)m	Kiến nghị điều chỉnh thành (BxH)=(5,5 x 3,5)m	
11	Km31+315	(BxH) = (5,0 x 3,5)m	Kiến nghị điều chỉnh thành (BxH)=(5,5 x 3,5)m	
12	Km31+550	Không có	Kiến nghị bổ sung (BxH)=(4,0m x 3,0)m	Kết nối đường hiện trạng (Theo đề nghị của UBND huyện Phù Mỹ tại Văn bản số 289/UBND-TH ngày 02/3/2022)
13	Km32+100	(BxH) = (5,0 x 3,5)m	Thống nhất điều chỉnh lên (BxH) = (6,5 x 4,5)m, không cải đường hiện trạng	Cắt qua đường quy hoạch cấp III
14	Km32+860	(BxH) = (5,0 x 3,5)m	Kiến nghị điều chỉnh thành (BxH)=(5,5 x 3,5)m	
15	Km33+350	(BxH) = (5,0 x 3,5)m	Kiến nghị điều chỉnh thành (BxH)=(5,5 x 3,5)m	
16	Km34+130	(BxH) = (5,0 x 3,5)m	Thống nhất điều chỉnh lên (BxH) = (6,5 x 4,5)m	Kết nối đường hiện trạng

17	Km34+335	(BxH) = (5,0 x 3,5)m	Kiến nghị điều chỉnh thành (BxH)=(5,5 x 3,5)m	
18	Km34+720	(BxH) = (5,0 x 3,5)m	Thống nhất điều chỉnh (BxH) = (6,5 x 4,5)m	Kết nối đường hiện trạng
19	Km35+115	(BxH) = (5,0 x 3,5)m	Kiến nghị điều chỉnh thành (BxH)=(5,5 x 3,5)m	
20	Km36+907	(BxH) = (4,0 x 3,0)m	Thống nhất	Giao thông nội đồng
21	Km37+195	(BxH) = (4,0 x 3,0)m	Thống nhất	Giao thông nội đồng
22	Km38+430	(BxH) = (5,0 x 3,5)m	Kiến nghị điều chỉnh thành (BxH)=(5,5 x 3,5)m	
23	Km38+818	(BxH) = (5,0 x 3,5)m	Thống nhất điều chỉnh lên (BxH) = (6,5 x 4,5)m	Kết nối đường hiện trạng
24	Km39+100	Không có	Kiến nghị bổ sung (BxH)=(4,0m x 3,0)m	Kết nối đường hiện trạng (Theo đề nghị của UBND huyện Phù Mỹ tại Văn bản số 289/UBND-TH ngày 02/3/2022)
25	Km39+583	(BxH) = (6,0 x 4,5)m	Thống nhất	
IV	PHÙ CÁT			
1	Km040+950	(5,0 x 3,5)m	Kiến nghị điều chỉnh thành (BxH)=(5,5 x 3,5)m	
2	Km041+350		Thống nhất bổ sung (BxH) = (6,5 x 4,5)m	Kết nối đường hiện trạng
3	Km041+980	(4,0 x 3,0)m	Thống nhất điều chỉnh (BxH) = (6,5 x 4,5)m	Kết nối đường hiện trạng
4	Km42+400	không có	Kiến nghị bổ sung (BxH) = (5,5 x 3,5)m	Giao thông nội đồng; (Theo đề nghị của UBND huyện Phù Cát tại Văn bản số 237/UBND-KTHT ngày 02/3/2022)
5	Km045+868	(4,0 x 3,0)m	Thống nhất	Giao thông nội đồng
6	Km046+250		Kiến nghị (BxH)=(5,5 x 3,5)m	Bổ sung, kết nối đường hiện trạng
7	Km046+700	(4,0 x 3,0)m	Thống nhất	Giao thông nội đồng
8	Km047+910	(6,5 x 4,5)m	Đề nghị làm cầu vượt ngang	Cắt qua đường quy hoạch cấp III

9	Km048+950	(6,5 x 4,5)m	Đề nghị làm cầu vượt ngang	Cắt qua đường quy hoạch cấp III
V	TÂY SƠN			
1	Km49+886	(BxH) =(5,0 x 3,5)m	Kiến nghị điều chỉnh thành (BxH)=(5,5 x 3,5)m	
2	Km50+250		Kiến nghị điều chỉnh thành (BxH)=(5,5 x 3,5)m	Bổ sung, kết nối đường hiện trạng
3	Km50+640	(BxH) =(6,5 x 4,5)m	Thống nhất	
4	Km51+725	(BxH) =(6,5 x 4,5)m	Thống nhất điều chỉnh (BxH) = 2(6,0 x 4,5)m	Cắt qua đường quy hoạch cấp III
5	Km52+305	(BxH) =(6,5 x 4,5)m	Thống nhất	
6	Km53+269	(BxH) =(4,0 x 3,0)m	Thống nhất	Giao thông nội đồng
7	Km54+249	(BxH) =(6,5 x 4,5)m	Thống nhất	
8	Km55+220	(BxH) = (4,0 x 3,0)m	Thống nhất	Giao thông nội đồng
9	Km56+446	(BxH) = (5,0 x 3,5)m	Kiến nghị điều chỉnh thành (BxH)=(5,5 x 3,5)m	
10	Km57+293	(BxH) = (6,5 x 4,5)m	Thống nhất	
11	Km58+219	(BxH) = (5,0 x 3,5)m	Thống nhất điều chỉnh (BxH) = (6,5 x 4,5)m	Kết nối đường hiện trạng
12	Km58+800	(BxH) = 2(6,0 x 4,5)m	Thống nhất	
13	Km59+075	(BxH) =(6,5 x 4,5)m	Thống nhất	
VI	AN NHƠN			
1	Km61+700		Kiến nghị cầu trên đường cao tốc vượt, 01 nhịp 33m	Kết hợp đường vành đai khu đô thị An Thái với thoát lũ
2	Km62+080	(4,0 x 3,0)m	Thống nhất	
3	Km62+700		Thống nhất bổ sung hàm chui khẩu độ (BxH) = (4,0 x 3,0)m	Kết nối nội đồng
4	Km63+230	(5,0 x 3,5)m	Kiến nghị điều chỉnh khẩu độ hàm chui (BxH) = (7,5 x 4,5)m	Đường kết nối ĐT.638 đến ĐT.636, quy hoạch mặt B=7,5m
5	Km63+800	(4,0 x 3,0)m	Kiến nghị điều chỉnh khẩu độ hàm chui (BxH) = (7,5 x 4,5)m	Phù hợp với quy hoạch đường làng nghề Bàu Đá với ĐT.638
6	Km64+635	2(6,0 x 4,5)m	Thống nhất	

7	Km65+120	(5,0 x 3,5)m	Thông nhất	
8	Km65+650	(5,0 x 3,5)m	Kiến nghị điều chỉnh khẩu độ hàm chui (BxH) = (7,5 x 4,5)m	Đường vào khu di tích lịch sử Thành Cha
9	Km66+020	2(6,0 x 4,5)m	Kiến nghị cầu trên đường cao tốc vượt, 01 nhịp 33m	Kết hợp đường giao thông và thoát lũ
10	Km66+950	(5,0 x 3,5)m	Thông nhất bỏ hàm chui và kết nối bằng đường gom	
11	Km67+520		Thông nhất bổ sung hàm chui (BxH) = (4,0 x 3,0)m	Kết nối nội đồng
12	Km67+830	(4,0 x 3,0)m	Thông nhất	
13	Km68+400		Thông nhất bổ sung hàm chui (BxH) = (4,0 x 3,0)m	Kết nối nội đồng
14	Km69+170		Kiến nghị bổ sung hàm chui (BxH) = (8,0 x 4,5)m	Đường quy hoạch mặt B=7,5m
15	Km69+600		Kiến nghị bổ sung hàm chui (BxH) = 2 (6,0 x 4,5)m	Địa phương dự kiến điều chỉnh quy hoạch thành đường trục chính

#REF!

P

76

III. ĐƯỜNG GOM DÂN SINH, ĐƯỜNG HOÀN TRẢ

TT	Lý trình	Bên trái	Bên phải	Chiều dài (m)	Quy mô đề xuất	Ý kiến thỏa thuận	Ghi chú
	TỔNG CỘNG (I)+...(V)			36.877			
I	HOÀI ÂN			2.820			
1	Đường hoàn trả vị trí đặt trạm thu phí nút giao ĐT.629	x		300	GTNT loại B (Bn/Bm=5,0m/3,5m)	Kiến nghị cấp VI đồng bằng (Bm/Bn=5,5m/6,5m)	Bổ sung
2	Đường gom Km3+000 ÷ Km4+150		x	1.150	GTNT loại B (Bn/Bm=5,0m/3,5m)	Kiến nghị cấp VI đồng bằng (Bm/Bn=5,5m/6,5m)	
3	Đường gom Km4+115 ÷ Km4+300		x	185	GTNT loại B (Bn/Bm=5,0m/3,5m)	Kiến nghị cấp VI đồng bằng (Bm/Bn=5,5m/6,5m)	
4	Đường hoàn trả Km5+000 ÷ Km6+850	x		185	GTNT loại B (Bn/Bm=5,0m/3,5m)	Thống nhất điều chỉnh quy mô thành đường Cấp III-ĐB Bnên/Bmặt = 12,0/11,0m) và kéo dài đến Km7+100 phù hợp vị trí cầu vượt ĐT.630	Điều chỉnh
5	Đường kết nối KCN Du Tụ		x		Không có	Kiến nghị bổ sung đường gom cấp VI đồng bằng (Bm/Bn=5,5m/6,5m)	
6	Đường hoàn trả Km11+350 ÷ Km12+350	x		1000	GTNT loại B (Bn/Bm=5,0m/3,5m)	Thống nhất điều chỉnh quy mô thành đường Cấp III-ĐB (Bnên/Bmặt = 12,0/11,0m)	
II	PHÙ MỸ			7.358			
1	Đường gom Km25+035÷Km26+100, Phải tuyến	x		1.065	GTNT loại B (Bn/Bm=5,0m/3,5m)	Thống nhất đổi sang bên trái, Kiến nghị cấp VI đồng bằng (Bm/Bn=5,5m/6,5m)	

2	Đường gom Km26+350÷Km26+930, Trái tuyến	x		580	GTNT loại B (Bn/Bm= 5,0m/3,5m)	Kiến nghị cấp VI đồng bằng (Bm/Bn=5,5m/6,5m)	
3	Đường gom Km26+930÷Km27+500, Phải tuyến		x	570	GTNT loại B (Bn/Bm= 5,0m/3,5m)	Kiến nghị cấp VI đồng bằng (Bm/Bn=5,5m/6,5m)	
4	Đường gom Km27+500÷ Km27+780, phải tuyến		x	280	Không có	Kiến nghị bổ sung cấp VI đồng bằng (Bm/Bn=5,5m/6,5m)	(Theo đề nghị của UBND huyện Phù Mỹ tại Văn bản số 289/UBND- TH ngày 02/3/2022)
5	Đường gom Km27+800÷Km28+170, Phải tuyến		x		GTNT loại B (Bn/Bm= 5,0m/3,5m)	Thống nhất điều chỉnh giảm, Kiến nghị cấp VI đồng bằng (Bm/Bn=5,5m/6,5m)	
6	Đường gom Km28+170÷Km28+300, Phải tuyến		x	130	GTNT loại B (Bn/Bm= 5,0m/3,5m)	Kiến nghị cấp VI đồng bằng (Bm/Bn=5,5m/6,5m)	
7	Đường gom Km29+600÷ Km29+900		x	300	Không có	Kiến nghị bổ sung cấp VI đồng bằng (Bm/Bn=5,5m/6,5m)	(Theo đề nghị của UBND huyện Phù Mỹ tại Văn bản số 289/UBND- TH ngày 02/3/2022)

8	Đường gom Km30+900÷Km31+300, Phải tuyến		x	400	GTNT loại B (Bn/Bm= 5,0m/3,5m)	Kiến nghị cấp VI đồng bằng (Bm/Bn=5,5m/6,5m)	
9	Đường gom Km31+315÷Km31+520, Phải tuyến		x	205		Kiến nghị cấp VI đồng bằng (Bm/Bn=5,5m/6,5m)	Bổ sung
10	Đường gom Km33+350÷Km33+650, Phải tuyến		x	300	GTNT loại B (Bn/Bm= 5,0m/3,5m)	Kiến nghị cấp VI đồng bằng (Bm/Bn=5,5m/6,5m)	
11	Đường gom Km36+080÷Km37+773, Phải tuyến		x	1.693	Cấp IV-ĐB (B nền/B mặt = 9,0/8,0m)	Thống nhất	
12	Đường gom km37+596÷Km37+797, Trái tuyến	x		201	GTNT loại B (Bn/Bm= 5,0m/3,5m)	Kiến nghị cấp VI đồng bằng (Bm/Bn=5,5m/6,5m)	
13	Đường gom Km37+797÷Km38+431, Trái tuyến	x		634	GTNT loại B (Bn/Bm= 5,0m/3,5m)	Kiến nghị cấp VI đồng bằng (Bm/Bn=5,5m/6,5m)	
14	Đường gom Km39+111÷Km39+481, Trái tuyến	x		370	GTNT loại B (Bn/Bm= 5,0m/3,5m)	Kiến nghị cấp VI đồng bằng (Bm/Bn=5,5m/6,5m)	
15	Đường gom Km39+578÷Km40+208, Trái tuyến	x		630	GTNT loại B (Bn/Bm= 5,0m/3,5m)	Kiến nghị cấp VI đồng bằng (Bm/Bn=5,5m/6,5m)	
III	PHÙ CÁT			12.309			
1	Km40+630 ÷ Km41+986		x	1.356	GTNT loại B (Bn/Bm= 5,0m/3,5m)	Kiến nghị cấp VI đồng bằng (Bm/Bn=5,5m/6,5m)	
2	Km040+800 ÷ Km40+950	x		150	GTNT loại B (Bn/Bm= 5,0m/3,5m)	Kiến nghị cấp VI đồng bằng (Bm/Bn=5,5m/6,5m)	

3	Km041+330 ÷ Km41+975	x		645	GTNT loại B (Bn/Bm=5,0m/3,5m)	Kiến nghị cấp VI đồng bằng (Bm/Bn=5,5m/6,5m)	
4	Km42+640 ÷ Km43+650		x	1.010		Kiến nghị bổ sung cấp VI đồng bằng (Bm/Bn=5,5m/6,5m)	(Theo đề nghị của UBND huyện Phù Cát tại Văn bản số 237/UBND-KTHT ngày 02/3/2022)
5	Km44+640 ÷ Km44+925		x	285	GTNT loại B (Bn/Bm=5,0m/3,5m)	Kiến nghị cấp VI đồng bằng (Bm/Bn=5,5m/6,5m)	
6	Km44+640 ÷ Km44+925	x		285	GTNT loại B (Bn/Bm=5,0m/3,5m)	Kiến nghị cấp VI đồng bằng (Bm/Bn=5,5m/6,5m)	
7	Km44+940 ÷ Km47+140		x	2.200	GTNT loại B (Bn/Bm=5,0m/3,5m)	Kiến nghị cấp VI đồng bằng (Bm/Bn=5,5m/6,5m)	
8	Km44+967 ÷ Km47+140	x		2.173	GTNT loại B (Bn/Bm=5,0m/3,5m)	Kiến nghị cấp VI đồng bằng (Bm/Bn=5,5m/6,5m)	
9	Km47+165 ÷ Km49+350		x	2.185	GTNT loại B (Bn/Bm=5,0m/3,5m)	Kiến nghị cấp VI đồng bằng (Bm/Bn=5,5m/6,5m)	
10	Km47+680 ÷ Km47+930	x		250	GTNT loại B (Bn/Bm=5,0m/3,5m)	Kiến nghị cấp VI đồng bằng (Bm/Bn=5,5m/6,5m)	
11	Đường gom Km47+930 ÷ Km49+700	x		1.770		Kiến nghị bổ sung cấp VI đồng bằng (Bm/Bn=5,5m/6,5m)	(Theo đề nghị của UBND huyện Phù Cát tại Văn bản số 237/UBND-KTHT ngày 02/3/2022)

IV	TÂY SƠN			8.790			
1	Đường gom Km49+700,00 ÷ Km49+872,00	x		172	GTNT loại B (B nền/B mặt = 5,0/3,5m)	Kiến nghị cấp VI đồng bằng (Bm/Bn=5,5m/6,5m)	
2	Đường gom Km49+350,00 ÷ Km49+860,00		x	510	GTNT loại B (B nền/B mặt = 5,0/3,5m)	Kiến nghị cấp VI đồng bằng (Bm/Bn=5,5m/6,5m)	
3	Đường gom Km50+620,00 ÷ Km53+263,00		x	2643	GTNT loại B (B nền/B mặt = 5,0/3,5m)	Kiến nghị cấp VI đồng bằng (Bm/Bn=5,5m/6,5m)	
4	Đường gom Km50+730,00 ÷ Km53+275,00	x		2545	GTNT loại B (B nền/B mặt = 5,0/3,5m)	Kiến nghị cấp VI đồng bằng (Bm/Bn=5,5m/6,5m)	
5	Đường gom Km57+280,00 ÷ Km58+220,00		x	940	GTNT loại B (B nền/B mặt = 5,0/3,5m)	Kiến nghị cấp VI đồng bằng (Bm/Bn=5,5m/6,5m)	
6	Đường gom Km59+080,00 ÷ Km60+060,00	x		980	GTNT loại B (B nền/B mặt = 5,0/3,5m)	Kiến nghị cấp VI đồng bằng (Bm/Bn=5,5m/6,5m)	
7	Đường gom Km59+060,00 ÷ Km60+060,00		x	1000	GTNT loại B (B nền/B mặt = 5,0/3,5m)	Kiến nghị cấp VI đồng bằng (Bm/Bn=5,5m/6,5m)	
V	AN NHƠN			5.600			
1	Đường gom Km60+710 ÷ Km61+250, trái tuyến	x		540	GTNT loại A (B nền/B mặt = 6,5/3,5m)	Kiến nghị cấp VI đồng bằng (Bm/Bn=5,5m/6,5m)	
2	Đường gom Km60+690 ÷ Km61+230, phải tuyến		x	540	GTNT loại B (B nền/B mặt = 6,5/3,5m)	Kiến nghị cấp VI đồng bằng (Bm/Bn=5,5m/6,5m)	
3	Đường gom Km61+250 ÷ Km61+680, trái tuyến	x		430	GTNT loại B (B nền/B mặt = 5,0/3,5m)	Kiến nghị cấp VI đồng bằng (Bm/Bn=5,5m/6,5m)	
4	Đường gom Km61+230 ÷ Km61+680, phải tuyến		x	450	GTNT loại B (B nền/B mặt = 5,0/3,5m)	Kiến nghị cấp VI đồng bằng (Bm/Bn=5,5m/6,5m)	
5	Đường gom Km62+080 ÷ Km62+310, trái tuyến	x		230	GTNT loại B (B nền/B mặt = 5,0/3,5m)	Kiến nghị cấp VI đồng bằng (Bm/Bn=5,5m/6,5m)	
6	Đường gom Km62+080 ÷ Km63+230, phải tuyến		x	230		Kiến nghị cấp VI đồng bằng (Bm/Bn=5,5m/6,5m)	Bổ sung đường gom kết nối nội đồng

7	Đường gom Km63+230 ÷ Km63+310, trái tuyến	x		150	GTNT loại B (B nền/B mặt = 5,0/3,5m)	Kiến nghị cấp VI đồng bằng (Bm/Bn=5,5m/6,5m)	
8	Đường gom Km63+600 ÷ Km63+800, phải tuyến	x		200	GTNT loại B (B nền/B mặt = 5,0/3,5m)	Kiến nghị cấp VI đồng bằng (Bm/Bn=5,5m/6,5m)	
9	Đường gom Km64+750 ÷ Km64+950, trái tuyến	x		200	GTNT loại B (B nền/B mặt = 5,0/3,5m)	Kiến nghị cấp VI đồng bằng (Bm/Bn=5,5m/6,5m)	
10	Đường gom Km64+650 ÷ Km65+650, phải tuyến		x	1000	GTNT loại B (B nền/B mặt = 5,0/3,5m)	Kiến nghị cấp VI đồng bằng (Bm/Bn=5,5m/6,5m)	
11	Đường gom Km66+900 ÷ Km66+950, trái tuyến	x		50	GTNT loại B (B nền/B mặt = 5,0/3,5m)	Kiến nghị cấp VI đồng bằng (Bm/Bn=5,5m/6,5m)	
12	Đường gom Km66+900 ÷ Km66+960, phải tuyến		x	60	GTNT loại B (B nền/B mặt = 5,0/3,5m)	Kiến nghị cấp VI đồng bằng (Bm/Bn=5,5m/6,5m)	
13	Đường gom Km67+450 ÷ Km67+550, phải tuyến	x		100	GTNT loại B (B nền/B mặt = 5,0/3,5m)	Kiến nghị cấp VI đồng bằng (Bm/Bn=5,5m/6,5m)	
14	Đường gom Km67+770 ÷ Km67+830, trái tuyến		x	60	GTNT loại B (B nền/B mặt = 5,0/3,5m)	Kiến nghị cấp VI đồng bằng (Bm/Bn=5,5m/6,5m)	
15	Đường gom Km67+670 ÷ Km67+830, phải tuyến		x	160	GTNT loại B (B nền/B mặt = 5,0/3,5m)	Kiến nghị cấp VI đồng bằng (Bm/Bn=5,5m/6,5m)	
16	Đường gom Km69+600 ÷ Km70+000, trái tuyến và dọc QL.19	x		600		Kiến nghị bổ sung đường gom B mặt = 7,5m	Đảm bảo kết nối được với QL19
17	Đường gom Km69+600 ÷ Km70+000, phải tuyến và dọc QL.19		x	600		Kiến nghị bổ sung đường gom B mặt = 7,5m	Đảm bảo kết nối được với QL19

PHỤ LỤC 3
VỀ GIAO CẮT TRỰC THÔNG, HÀM CHUI, ĐƯỜNG GOM DÂN SINH VÀ ĐƯỜNG HOÀN TRẢ
DỰ ÁN THÀNH PHẦN QUY NHƠN - CHÍ THẠNH

(Kèm theo Văn bản số /UBND-KT ngày /3/2022 của UBND tỉnh)

I. VỊ TRÍ GIAO CẮT TRỰC THÔNG

TT	Lý trình	Địa điểm	Đề xuất thiết kế	Ý kiến thỏa thuận	Ghi chú
I	AN NHƠN				
1	Km1+210	Giao đường vào cụm công nghiệp - Phường Nhơn Hòa	Cầu vượt trên đường cao tốc	Thông nhất	
II	QUY NHƠN				
1	Km14+800	Vượt ĐT.638	Cầu trên đường cao tốc vượt ĐT638	Thông nhất	
2	Km19+195	Đường vào cụm CN Bùi Thị Xuân	Cầu vượt trên đường cao tốc	Thông nhất	
3	Km19+730	Cầu trên tuyến hoàn trả QL1	Cầu vượt trên đường cao tốc	Thông nhất	

II. HẦM CHUI DÂN SINH

TT	Lý trình	Đề xuất thiết kế, khẩu độ BxH (m)	Ý kiến thỏa thuận, khẩu độ BxH (m)	Ghi chú
I	AN NHƠN			
1	Km0+700	Không	Kiến nghị điều chỉnh thành (BxH)=(5,5 x 3,5)m	Bổ sung
2	Km1+500	(5,0 x 3,5)m	Điều chỉnh thành cầu vượt ngang tại Km1+210	Vào KCN
II	TUY PHƯỚC			
1	Km4+770	(5,0 x 3,5)m	Thống nhất điều chỉnh (6,5x4,5)m	Vào trạm biến áp 220Kv
2	Km5+680	(5,0 x 3,5)m	Thống nhất điều chỉnh (6,5x4,5)m	Ra nghĩa địa
3	Km6+075	(5,0 x 3,5)m	Kiến nghị điều chỉnh (5,5x3,5)m	Đường dân sinh
4	Km6+525	(5,0 x 3,5)m	Kiến nghị điều chỉnh (5,5x3,5)m	Đường dân sinh
5	Km7+185	(5,0 x 3,5)m	Thống nhất điều chỉnh 2x(6,5x4,5)m	Đường dân sinh, có quy hoạch khu dân cư và cụm công nghiệp (Biên bản làm việc ngày 04/3/2022)
6	Km8+485	(5,0 x 3,5)m	Thống nhất điều chỉnh (6,5x4,5)m	Đường dân sinh
7	Km9+560	(5,0 x 3,5)m	Kiến nghị điều chỉnh (5,5x3,5)m	Đường dân sinh
8	Km10+060	(5,0 x 3,5)m	Kiến nghị điều chỉnh (5,5x3,5)m	Đường dân sinh
9	Km10+600	(5,0 x 3,5)m	Kiến nghị điều chỉnh (5,5x3,5)m	Đường dân sinh, hầm dân sinh trên nhánh nút giao
10	Km11+750	(5,0 x 3,5)m	Thống nhất điều chỉnh (6,5x4,5)m	Đường dân sinh, khu khai thác gỗ Keo

III. ĐƯỜNG GOM DÂN SINH, ĐƯỜNG HOÀN TRẢ

TT	Lý trình	Bên trái	Bên phải	Chiều dài (m)	Quy mô đề xuất	Ý kiến thỏa thuận	Ghi chú
I	AN NHƠN			646			
1	Km0+744 ÷ Km0+945	x		201	GTNT loại B (Bn/Bm= 5,0m/3,5m)	Kiến nghị cấp VI đồng bằng (Bm/Bn=5,5m/6,5m)	
2	Km0+700 ÷ Km0+945		x	245	GTNT loại B (Bn/Bm= 5,0m/3,5m)	Kiến nghị cấp VI đồng bằng (Bm/Bn=5,5m/6,5m)	Bổ sung
3	Km1+500 ÷ Km1+700	x		200	GTNT loại B (Bn/Bm= 5,0m/3,5m)	Kiến nghị cấp VI đồng bằng (Bm/Bn=5,5m/6,5m)	Bổ sung
II	TUY PHƯỚC			2.981			
1	Km5+480 ÷ Km5+680	x		200	GTNT loại B (Bn/Bm= 5,0m/3,5m)	Kiến nghị cấp VI đồng bằng (Bm/Bn=5,5m/6,5m)	
2	Km5+556 ÷ Km6+324		x	768	GTNT loại B (Bn/Bm= 5,0m/3,5m)	Kiến nghị cấp VI đồng bằng (Bm/Bn=5,5m/6,5m)	Bổ sung thêm đoạn Km5+680-Km6+075
3	Km6+075 ÷ Km6+315	x		240	GTNT loại B (Bn/Bm= 5,0m/3,5m)	Kiến nghị cấp VI đồng bằng (Bm/Bn=5,5m/6,5m)	Bổ sung thêm đoạn Km6+075-Km6+185
4	Km6+490 ÷ Km6+525	x		35	GTNT loại B (Bn/Bm= 5,0m/3,5m)	Kiến nghị cấp VI đồng bằng (Bm/Bn=5,5m/6,5m)	
5	Km8+360 ÷ Km8+600		x	240	GTNT loại B (Bn/Bm= 5,0m/3,5m)	Kiến nghị cấp VI đồng bằng (Bm/Bn=5,5m/6,5m)	
6	Km8+975 ÷ Km9+030		x	55	GTNT loại B (Bn/Bm= 5,0m/3,5m)	Kiến nghị cấp VI đồng bằng (Bm/Bn=5,5m/6,5m)	

7	Km9+130 ÷ Km9+390		x	260	GTNT loại B (Bn/Bm= 5,0m/3,5m)	Kiến nghị cấp VI đồng bằng (Bm/Bn=5,5m/6,5m)	
8	Km9+480 ÷ Km9+665	x		185	GTNT loại B (Bn/Bm= 5,0m/3,5m)	Kiến nghị cấp VI đồng bằng (Bm/Bn=5,5m/6,5m)	
9	Km10+060 ÷ Km10+195		x	135	GTNT loại B (Bn/Bm= 5,0m/3,5m)	Kiến nghị cấp VI đồng bằng (Bm/Bn=5,5m/6,5m)	
10	Km10+108 ÷ Km10+270	x		162	GTNT loại B (Bn/Bm= 5,0m/3,5m)	Kiến nghị cấp VI đồng bằng (Bm/Bn=5,5m/6,5m)	
11	Km10+624 ÷ (Nút giao QL.19C)		x	90	GTNT loại C (Bn/Bm= 4,0m/3,0m)	Kiến nghị cấp VI đồng bằng (Bm/Bn=5,5m/6,5m)	
12	Km10+604 ÷ Km10+900	x		296	GTNT loại B (Bn/Bm= 5,0m/3,5m)	Kiến nghị cấp VI đồng bằng (Bm/Bn=5,5m/6,5m)	
13	Km10+835 ÷ Km10+900		x	65	GTNT loại C (Bn/Bm= 4,0m/3,0m)	Kiến nghị cấp VI đồng bằng (Bm/Bn=5,5m/6,5m)	
14	Km12+750 ÷ Km13+000		x	250	GTNT loại B (Bn/Bm= 5,0m/3,5m)	Kiến nghị cấp VI đồng bằng (Bm/Bn=5,5m/6,5m)	
III	QUY NHƠN			2.445			
1	ĐƯỜNG GOM			1.500			
1	Km13+000 ÷ Km13+350		x	350	GTNT loại B (Bn/Bm= 5,0m/3,5m)	Kiến nghị cấp VI đồng bằng (Bm/Bn=5,5m/6,5m)	
2	Km19+050 ÷ Km19+700	x		650	Bn/Bm= 7,0m/6,5m	Thông nhất	
3	Km19+200 ÷ Km19+700		x	500	Bn/Bm= 7,0m/6,5m	Thông nhất	
2	ĐƯỜNG HOÀN TRẢ			945			
	Km18+800 ÷ Km19+745			945	Bn/Bm= 12,0m/11,0m	Thông nhất	Hoàn trả QL1A

6.072